

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Ông Viêm Văn Doãn;

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà:
Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Văn TH, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Các đương sự đều trú tại: Xóm Vinh Quang, phường A, TH phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị sống chung với anh Vũ Văn TH vào tháng 10 năm 1991. Trước khi về sống thì chị và anh TH có được tự nguyện tìm hiểu và làm lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị sống với anh TH tại xóm Vinh Quang, phường A, Thành phố Bắc Ninh và đã có

với nhau 2 người con. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh TH có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh TH không thay đổi, từ tháng 10 năm 2017 đến nay chị chuyển ra thuê nhà chỗ khác để ở, vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn TH.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vũ Văn M, sinh ngày 21/6/1992 và cháu Vũ Thị Vân A, sinh ngày 13/8/2005. Cháu M đã trưởng TH nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vân A hiện nay đang học trường Trung học cơ sở B và sống cùng chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh TH phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Vũ Văn TH đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Tòa án lấy lời khai, gửi giấy triệu tập cũng như thông báo phiên họp giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa nhưng anh TH không hợp tác ký vào biên bản giao nhận cũng như không có mặt theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, riêng anh Vũ Văn TH là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử không công nhận chị T và anh TH là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi cháu Vũ Thị Vân A. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn TH sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T và anh TH có được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Theo quy định tại điểm b mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Quan hệ vợ chồng xác lập từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật HNGĐ năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng; trong trường hợp có yêu cầu cho ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh TH không cùng quan điểm, anh TH có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ tháng 11/2017 đến nay, chị T và anh TH sống ly thân không ai quan tâm đến ai, nay chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh TH. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh TH đã trầm trọng, theo quy định tại hướng dẫn trên thì chị T và anh TH không phải là vợ chồng. Do vậy cần xử không công nhận chị T và anh TH là vợ chồng.

Về con chung: Chị T anh TH có 02 con chung là cháu Vũ Văn M, sinh ngày 21/6/1992 và cháu Vũ Thị Vân A, sinh ngày 13/8/2005. Cháu M đã trưởng TH nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vân A hiện nay đang học trường Trung học cơ sở B và sống cùng chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu Vân A và không yêu cầu anh TH phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Vân A đang ở cùng chị T ổn định. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 19/12/2017, cháu Vân A có nguyện vọng ở với chị T. Cháu Vân A là con gái, đang ở tuổi phát triển nên cần sự quan

tâm của người mẹ, xét đây là nguyện vọng chính đáng của cháu Vân A và chị T do vậy cần giao cháu Vân A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 11, Điều 87, Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 147, 228, 235, 254, 262, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn TH là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Vân A, sinh ngày 13/8/2005 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu. Anh TH được quyền đi lại chăm sóc con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các TH viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0000566 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

3. Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0000566 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TH phố Bắc Ninh).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Trung Viêm Văn Doãn

Nguyễn Thị Lan Hương